TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2018/DS-ST
Ngày: 10/8/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Lý Chung

2. Bà Lê Như Nguyệt

Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2018/TLST-DSST ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc "TrAchấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 51/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa 50/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Liên Tân T, sinh năm 1994; địa chỉ: 146K đường Đ, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Yến T, sinh năm: 1959 theo giấy ủy quyền ký ngày 12/9/2017; địa chỉ: 131 L3 đường N, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Chúc A, sinh năm 1967; địa chỉ: 124 đường Đ, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 13/9/2017, bản tự khai của đại diện nguyên đơn trình bày:

Năm 2016 được biết bà Nguyễn Chúc Anh, cần tiền vay vốn để sử dụng vào mục đích riêng, nên ông Liên Tân T có cho bà Nguyễn Chúc A vay số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng), thời hạn vay 01 (một) tháng, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền số 002766 ký ngày 18/3/2016 tại Văn phòng Công chứng Thịnh Vượng, số 40 đường Nguyễn Văn Của, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên hợp đồng đã đến hạn nên ông Liên Tân T yêu cầu bà Nguyễn Chúc Ahoàn trả số tiền nợ gốc nhưng bà Nguyễn Chúc Avẫn không trả được.

Do đó ông Liên Tân T làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Chúc A trả cho ông Liên Tân T một lần số tiền 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng, không yêu cầu trả lãi trên số tiền nợ gốc nói trên.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết, tống đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAluận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa ông Liên Tân T và bà Nguyễn Chúc Alà trAchấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 6, Quận 11 thì bà Nguyễn Chúc A có hộ khẩu thường trú tại 148 đường C, Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng hiện tại không cư trú tại đây, hiện nay bà Nguyễn Chúc A đang cư trú tại số 124 đường Đ, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh của công an Phường 4, Quận 11 cho biết Nguyễn Chúc Anh, sinh năm 1967 không có đăng ký tạm trú, lưu trú và không thực tế cư trú tại số 124 đường Đ, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân

sự số 92/2015/QH13 quy định "trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 và Điểm b Khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan". Do bị đơn là bà Nguyễn Chúc A có hộ khẩu tại Quận 11 và việc đi khỏi địa phương không báo cho người khởi kiện biết nên căn cứ theo Điểm a, Khoản 1, Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không đến Toà án mà không có lý do dù Tòa án đã niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định pháp luật. Ngày 09/8/2018 nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu nguyên đơn:

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền được ký kết giữa ông Liên Tân T và bà Nguyễn Chúc A được công chứng, chứng thực tại Văn phòng Công chứng Thịnh Vượng theo số 002766 , Quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/3/2016, nên có cơ sở xác định bà Nguyễn Chúc A có vay của ông Liên Tân T số tiền 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng và các khoản vay đều đã đến hạn thanh toán. Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 478 Bộ Luật dân sự 2005 thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi suất. Theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng vay tài sản thì tất cả các khoản vay đều đã đến hạn, căn cứ Khoản 1 Điều 474 Bộ Luật dân sự 2005 "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Do đó về yêu cầu của ông Liên Tân T yêu cầu bà Nguyễn Chúc Aphải trả số nợ 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng đã vay là có cơ sở.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ghi rõ nội dung khởi kiện của nguyên đơn cũng như các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và gửi cho bà Nguyễn Chúc A. Các tài liệu vừa nêu Tòa án đã niêm yết, tống đạt theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Chúc A cố tình vắng mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến đối với nội dung trình bày của nguyên đơn. Do vậy, theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì

những tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra nhưng phía bị đơn không có ý kiến phản đối thì nguyên đơn không có nghĩa vụ phải chứng minh, chứng cứ này được xem là có giá trị và được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án. Việc bị đơn không đến Tòa án là đã từ bỏ quyền được chứng minh, phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về số nợ được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Chúc A trả cho ông Liên Tân T số tiền 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: " bị đơn phải chịu án phí trên số tiền mà nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận (210.000.000 đồng). Vì vậy, số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là 10.500.000 (mười triệu năm trăm nghìn) đồng, nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11.

Hoàn trả số tiền án phí đã nộp là 5.250.000 (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2014/0004493 ngày 04/10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11 cho ông Liên Tân T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 267 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 474, Khoản 2 Điều 478 Bộ Luật Dân sự 2005 Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Liên Tân T, buộc bà Nguyễn Chúc A trả cho ông Liên Tân T số tiền 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bà Nguyễn Chúc A chậm thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì bà Chúc Acòn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho ông Liên Tân T theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Chúc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.500.000 (mười triệu năm trăm nghìn) đồng, nộp tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Hoàn trả số tiền án phí đã nộp là 5.250.000 (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2014/0004493 ngày 04/10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11 cho ông Liên Tân T

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Lại Thị Thu Thủy